TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 113/2021/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 20 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Văn H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn TS3, xã TT, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

Chị Bùi Thị H1; sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn TS3, xã TT, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/07/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống, dẫn đến bất hòa kéo dài cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ, chồng thường xuyên cãi nhau khiến cả hai bên đều mệt mỏi, chán nản. Đến nay anh H và chị H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai bên được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Vân K, sinh ngày 26/02/2017 và cháu Bùi Huy D, sinh ngày 05/07/2020. Sau khi ly hôn anh H và chị H1 đã thống nhất, thoả thuận anh H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị H1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, hai bên không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 thống nhất, thỏa thuận, chị H1 là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Vân K, sinh ngày 26/02/2017 và cháu Bùi Huy D, sinh ngày 05/07/2020. Sau khi ly hôn anh H và chị H1 đã thống nhất, thoả thuận anh H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị H1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, hai bên không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.
- Về tài sản chung: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 thống nhất, thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 thống nhất, thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị H1 thống nhất, thoả thuận chị Bùi Thị H1 pH nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị H1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: AA/2021/0007497 ngày 02/12/2021. Chị Bùi Thị H1 đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã TT;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Quân